

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình
đường Nguyễn Du, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định thẩm quyền quyết định đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5731/TTr-SXD ngày 27 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: đường Nguyễn Du thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Xây dựng đường Nguyễn Du.
2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông (đường giao thông đô thị) cấp III (vận tốc thiết kế 50km/h).
3. Địa điểm xây dựng: thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
4. Chủ đầu tư: UBND huyện Tân Phú.
5. Đơn vị lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình:
 - Công ty Cổ phần Long Bình Mê Kông (hạng mục giao thông, thoát nước).
 - Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Đông Hòa Bình (hạng mục hệ thống chiếu sáng).
6. Đơn vị khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Long Bình Mê Kông.
7. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng công trình:
 - Chủ trì Khảo sát địa hình: Nguyễn Văn Mãi chứng chỉ số KS-02193-02130 ngày 26/02/2016 do Sở Xây dựng Đồng Nai cấp.
 - Chủ trì Khảo sát địa chất: Hoàng Tuấn Minh chứng chỉ số KS-061-00040-A ngày 8/4/2015 do Sở Xây dựng Đồng Nai cấp.
 - Chủ trì thiết kế đường giao thông: Hoàng Lê Quang chứng chỉ số KS - 08 - 14201 ngày 4/4/2016 do Sở xây dựng Tp. Hồ Chí Minh cấp.
 - Chủ trì thiết kế điện chiếu sáng: Lê Trọng Toàn chứng chỉ số KS-08-14066 ngày 17/3/2016 do Sở Xây dựng Đồng Nai cấp.
 - Chủ trì lập dự toán: Phạm Hải Vân chứng chỉ số DON-00052791 ngày 20/3/2019 do Sở Xây dựng Đồng Nai cấp.
 - Chủ trì thẩm tra thiết kế giao thông: Vũ Tô Hoài chứng chỉ số DON-00058550 ngày 21/5/2019 do Sở Xây dựng Đồng Nai cấp.
 - Chủ trì thẩm tra dự toán: Đỗ Văn Phú chứng chỉ số DON-00020777 ngày 22/3/2018 do Sở Xây dựng Đồng Nai cấp.

8. Đơn vị thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình: Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng Devic Group Việt.

9. Quy mô đầu tư, phương án thiết kế và giải pháp xây dựng:

- Tốc độ thiết kế: 50 km/h.
- Loại, cấp công trình: Đường giao thông đô thị, cấp III.
- Loại tầng mặt thiết kế: Cấp cao A1.
- Tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn P_{tt} : 100kN.
- Moduyn đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} \geq 130$ Mpa.

a) Bình đồ tuyến:

- Tim tuyến xác định theo tim đường quy hoạch.
- Trên tuyến bố trí 1 đường cong tròn $R = 250m$ tại $Km0 + 443,69$.
- Bán kính bó vỉa tại các ngã giao $R = 12m$.

b) Thiết kế trắc dọc tuyến:

- Không chế cao độ thiết kế theo quy hoạch tổng thể xây dựng thị trấn Tân Phú được duyệt tại các vị trí giao cắt, điểm đầu tuyến giao với đường Quốc lộ 20 và điểm cuối tuyến là lý trình $Km1 + 290,76$ theo thiết kế; cao độ thiết kế nằm trong khoảng $+136,54m \div +146,15m$.

- Độ dốc dọc thiết kế trong khoảng $0.5\% \div 3\%$.
- Trên tuyến có bố trí 3 đường cong đứng $R1 = 6000m$, $R2 = 2500m$, $R3 = 3250m$.

c) Thiết kế mặt cắt ngang tuyến:

- Quy mô mặt cắt ngang nền đường rộng 21,0m, trong đó:
 - + Lòng đường rộng 11,0m.
 - + Vía hè mỗi bên rộng 5,0m.
- Độ dốc ngang mặt đường 2%; có bố trí siêu cao tại các vị trí đường cong.

d) Thiết kế nền đường:

- Đào đắp nền đường theo cao độ thiết kế, lu lèn độ chặt $K \geq 95$
- Taluy nền đường đào 1:1, nền đắp 1:1,5.

đ) Thiết kế kết cấu áo đường:

- Kết cấu áo đường từ trên xuống dưới:
 - + BTN C9.5 dày 3cm.
 - + Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa $0,5kg/m^2$.
 - + BTNC C12.5 dày 5cm.
 - + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa $1kg/m^2$.
 - + Lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm.
 - + Lớp cải thiện nền đường bằng đất chọn lọc dày 30cm, $K \geq 0.98$.

e) Thiết kế Bó vỉa, bó nền:

- Bó vỉa: Dạng vát góc kết cấu bằng bê tông đá 1x2 M300, chiều rộng bó vỉa 60cm. Lót móng bằng bê tông đá 1x2 M150 dày 6cm.

- Bó nền: Kích thước 30cm x 10cm, kết cấu bằng bê tông đá 1x2 M200, lót móng dùng bê tông đá 1x2 M150 dày 6cm.

- Thiết kế phần vuốt nổi tại vị trí qua đường lên vỉa hè cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng với kích thước rộng 1.2m dài 1.5m.

g) Thiết kế vỉa hè:

- Vỉa hè mỗi bên rộng 5m, trên vỉa hè bố trí mương thoát nước, các hố ga thu nước, điện chiếu sáng và cây xanh.

- Độ dốc ngang vỉa hè 2% hướng xuống mặt đường.

- Kết cấu vỉa hè từ trên xuống dưới:

+ Lát gạch terrazzo KT: 30x30x3cm.

+ Vữa lót M75 dày 2cm

+ Lớp BT đá 4x6 M150 dày 8cm.

+ Nền đắp đất cấp 3 chọn lọc, $K \geq 95$.

h) Thiết kế cây xanh:

- Bố trí trồng cây xanh với khoảng cách khoảng 8m/1cây. Sử dụng cây sao đen cao 2m, đường kính gốc cây D4cm. Sau khi trồng cây chôn 04 cây cừ tràm dài 2m/cây giữ cây thẳng đứng.

- Vỉa bao bọc trồng xây xanh dạng tròn, đường kính 1.2m bằng bê tông xi măng M200, cao 20cm, dày 10cm (vị trí có thể xô dịch trong khoảng 1÷3m, tránh trồng trước các công trình, hố ga, trụ điện, trước cửa nhà dân).

i) Thiết kế tín hiệu giao thông:

- Bố trí hệ thống biển báo hiệu, vạch sơn theo QCVN41:2016/BGTVT của Bộ GTVT.

k) Thiết kế thoát nước mưa:

- Bố trí mương thoát nước mưa có nắp đậy dọc hai bên tuyến đường đặt trên vỉa hè bằng BTCT đá 1x2 M250 kích thước lòng mương (60x60)cm, nắp đan bằng BTCT đá 1x2 M250 kích thước (78x100x15)cm. Lớp lót bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.

- Tại các vị trí mương băng ngang đường sử dụng mương BTCT đá 1x2 M250, cấu tạo mương gồm 2 phân đoạn (đoạn đúc sẵn cao 65cm và phân đoạn đổ tại chỗ có chiều cao thay đổi từ 25cm trở lên. Lớp lót bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.

- Hố ga: Khoảng 30m bố trí 1 hố ga theo chiều dọc tuyến nằm trên vỉa hè để thu, lắng rác; Kích thước 1,2m x 1,2m, chiều cao thay đổi theo độ dốc. Hố ga được bố trí cả hai bên. Kết cấu hố ga bằng BTCT M300, lớp lót bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm. Tại các vị trí hố ga bố trí máng thu nước (có lưới thép chắn rác) để thu nước trực tiếp từ mặt đường vào hố ga.

1) Hệ thống điện chiếu sáng:

- Xây dựng mới đường dây trung thế 1P chiều dài 274m
- Xây dựng 01 trạm biến áp 15kVA, tủ điều khiển hệ thống chiếu sáng trọn bộ.
- Đường truyền dẫn điện là hệ thống cáp hạ thế đi ngầm dưới đất.
- Bố trí cột đèn chiếu sáng cách mép đường khoảng 0,65m, khoảng cách trụ trung bình 30m.
- Trụ đèn chiếu sáng sử dụng trụ thép tròn cao 9m và cần đèn cao 2m, vươn xa 1,5m. Móng trụ bằng Bê tông đá 1x2 M200, kích thước (60x60x110)cm.
- Đèn chiếu sáng là đèn Led ánh sáng vàng 150W-220V.

10. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

- QCVN 07:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- QCVN 41:2016/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.
- QCVN 10:2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.
- TCXDVN 104:2007: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.
- 22TCN 211:2006: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế
- TCVN 4054: 2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế
- TCVN 9398:2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình.
- 96 TCN 43:1990: Quy phạm đo vẽ địa hình.
- 22TCN 262:2000: Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu - tiêu chuẩn thiết kế.
- 22TCN 263:2000: Quy trình khảo sát đường ô tô.
- Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9844:2013- Vải địa kỹ thuật - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu
- QCVN07-7:2016/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình chiếu sáng.
- TCVN 10332:2014- Hào kỹ thuật bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn.
- TCVN 5573:2011- Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9113.2012- Ống bê tông cốt thép thoát nước.

Một số quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành khác có liên quan thiết kế công trình.

11. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **76.437.567.837 đồng**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	26.132.788.744 đồng
- Chi phí thiết bị:	43.203.523 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	584.914.445 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.952.877.787 đồng
- Chi phí khác:	556.796.543 đồng
- Chi phí dự phòng:	2.722.294.795 đồng
- Chi phí GPMB:	44.444.692.000 đồng

(Đính kèm bảng phụ lục dự toán xây dựng công trình)

12. Nguồn vốn: ngân sách tỉnh.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2023.

14. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Đối với các công việc sử dụng mã hiệu tạm tính, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức xác định mức dự toán xây dựng công trình làm cơ sở xác định đơn giá xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2018 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Đối với các vật tư, thiết bị không có trong thông báo giá của liên Sở Xây dựng - Tài chính, chủ đầu tư phải xác định giá theo đúng quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng để xác định giá gói thầu trước khi trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Các chi phí thiết bị đang được tạm tính, chủ đầu tư phải tổ chức xác định giá thiết bị theo đúng quy định tại Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng để xác định giá gói thầu trước khi trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Dự toán xây dựng, dự toán xây dựng công trình là cơ sở xem xét, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo phù hợp tiến độ thực hiện dự án, không dùng để thanh toán quyết toán.

- Đối với các công việc đã thực hiện, chủ đầu tư có trách nhiệm rà soát, cập nhật lại giá trị cho phù hợp với quy định tương ứng với thời điểm thực hiện.

- Sử dụng chi phí dự phòng đúng mục đích, tránh trường hợp để phát sinh công việc không cần thiết hoặc tăng thêm hạng mục công trình để sử dụng dự phòng phí gây thất thoát, lãng phí vốn đầu tư.

- Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, báo cáo kết quả thẩm tra, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng và an toàn, chất lượng xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình triển khai thi công xây dựng, đề nghị chủ đầu tư phải thực hiện đúng theo nội dung hồ sơ thiết kế được duyệt, chấp hành các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình, bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng đơn vị thi công, đơn vị giám sát và các đơn vị liên quan có biện pháp thi công phù hợp, đảm bảo an toàn cho người, thiết bị, công trình hiện hữu trong phạm vi thực hiện dự án; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi,... ảnh hưởng đến người dân khu vực thực hiện dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các ngành liên quan, tổ chức triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giao thông Vận tải, Chủ tịch UBND huyện Tân Phú và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN (Sơn).

10-31

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quốc Hùng

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

BẢNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	THÀNH TIỀN (đồng)
I	Chi phí xây dựng	26,132,788,744
	Phần đường	16,728,661,950
	Phần thoát nước	7,437,533,399
	Phần chiếu sáng	1,966,593,395
II	Chi phí GPMB	44,444,692,000
III	Chi phí thiết bị	43,203,523
IV	Chi phí quản lý dự án	584,914,445
V	Chi tư vấn đầu tư xây dựng	1,952,877,787
	Phần báo cáo nghiên cứu khả thi	
1	Chi phí tư vấn khảo sát - lập BCNCKT	276,824,000
2	Chi phí khảo sát đo vẽ đường dây	27,743,647
3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	3,348,172
4	Chi phí giám sát khảo sát	11,272,273
5	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	39,567,050
	Phần TKBVTC	
6	Chi phí tư vấn khảo sát, lắp đặt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	442,733,000
7	Chi phí thẩm tra thiết kế	
	+ Phần đường + thoát nước	34,557,659
	+ Phần chiếu sáng	2,812,228
8	Chi phí thẩm tra dự toán	
	+ Phần đường + thoát nước	33,107,688
	+ Phần chiếu sáng	2,694,233
	Phần lựa chọn nhà thầu thi công	
10	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	26,577,046
11	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	32,483,056
12	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	13,066,394
13	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	13,066,394
	Phần lựa chọn nhà thầu giám sát	
14	Chi phí lập hồ sơ mời thầu tư vấn	2,549,647
15	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu tư vấn	1,000,000
16	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn	3,116,235
17	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn	1,000,000
18	Chi phí giám sát thi công xây dựng	694,348,197
19	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	346,925
	Phần TTATGT	
20	Chi phí thẩm tra ATGT bước khai thác đưa vào sử dụng	130,663,943

21	Chi phí thẩm tra dự toán ATGT bước khai thác đưa vào sử dụng	10,000,000
22	Chi phí đo vẽ chỉnh lý bản đồ, cắm mốc ranh giới dự án	150,000,000
VI	Chi phí khác	556,796,543
1	Phí thẩm định Dự án đầu tư	11,175,171
2	Chi phí rà phá bom mìn	50,000,000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	45,167,387
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	
	+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán đền bù, giải phóng mặt bằng	27,889,044
	+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán phần còn lại	42,631,849
5	Chi phí kiểm toán	
	+ Chi phí kiểm toán đền bù, giải phóng mặt bằng	95,333,864
	+ Chi phí kiểm toán phần còn lại	145,729,588
6	Chi phí kiểm tra nghiệm thu đưa vào sử dụng	138,869,640
VII	Chi phí dự phòng	2,722,294,795
1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	1,463,529,052
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	1,258,765,743
VIII	TỔNG CỘNG	76,437,567,837